

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/KDTM-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn; Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 487/2024/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (A).

Trụ sở: số D, đường N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Từ Tiến P, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Phó giám đốc phòng quản lý nợ (Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 07/5/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á).

Ông Nguyễn Đình L ủy quyền cho bà Huỳnh N, chức vụ: nhân viên Ngân hàng TMCP Á chi nhánh A1.

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà A, số I, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T3;

Địa chỉ: Số D, tổ G, đường V, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Chủ tịch hội đồng kiêm giám đốc. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960. Có mặt

3.2. Bà Trần Lệ H, sinh năm 1964.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thiên T, sinh năm 1995.

Bà H, bà T ủy quyền cho ông S theo giấy ủy quyền ngày 27/8/2024. Có mặt

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1984. Vắng mặt

3.5. Bà Nguyễn Thị Thiện T2, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: số D, tổ G, đường V, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bà Huỳnh N trình bày: Ngày 07/03/2023, Ngân hàng TMCP Á (gọi tắt Ngân hàng Á) với Công ty TNHH T3 (gọi tắt Công ty T3) ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.DN.1975.240223 và Hợp đồng cấp tín dụng số ANG.DN.1975.240223, theo đó A cấp tín dụng cho Công ty T3 theo các nội dung như sau: Hạn mức tín dụng là 3.700.000.000 đồng, mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động, phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn hiệu lực là 12 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân, lãi suất được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Thực hiện thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng Á đã giải ngân cho Công ty T3 bằng các khế ước nhận nợ theo phương thức chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 22992268 của Công ty T3. Ngoài ra, theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp ngày 05/4/2022 và bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng Á cung cấp dịch vụ sử dụng thẻ tín dụng cho Công ty T3 là 100.000.000 đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 4/2025. Quá trình sử dụng, Công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thẻ tín dụng từ tháng 10/2023. Đến ngày 21/02/2024, Ngân hàng Á chuyển nợ quá hạn khoản thẻ theo quy định và ngày 29/02/2024, khoản vay của các khế ước nhận nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số ANG.DN.1975.240223 đến hạn trả nợ nhưng Công ty T3 không thanh toán nợ. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, đồng thời, Ngân hàng Á ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng

thẻ ngày 01/3/2024 và chuyển khởi kiện Công ty S&A theo quy định. Như vậy, tính đến ngày 05/7/2024, Công ty T3 còn nợ Ngân hàng Á tổng số tiền theo các khế ước nhận nợ là 4.077.521.177 đồng, trong đó hợp đồng tín dụng còn nợ vốn gốc 3.700.000.000 đồng, lãi trong hạn 89.501.316 đồng, lãi quá hạn 164.143.151 đồng, phạt chậm trả lãi 3.985.081 đồng; Nợ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp ngày 05/4/2022 tổng số tiền là 119.891.629 đồng, trong đó vốn gốc 105.224.891 đồng, lãi quá hạn 14.666.738 đồng. Do đó, Ngân hàng Á khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T3 phải có nghĩa vụ trả tổng số nợ vốn, lãi nêu trên và còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày 05/7/2024 đến ngày trả hết nợ. Trường hợp Công ty T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số ANG.BĐDN.212.111121 ngày 08/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số ANG.BĐDN.218.111121 ngày 08/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Á với bên thế chấp ông Nguyễn Văn S và bà Trần Lệ H được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, ông Nguyễn Văn S và bà Trần Lệ H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 07/3/2023.

Bị đơn Công ty T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Huỳnh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T3 và ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Á số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 28/8/2024 là 4.154.505.151 đồng, trong đó nợ gốc 3.805.224.891 đồng, lãi trong hạn là 89.501.316 đồng, lãi phạt 5.309.209 đồng, lãi quá hạn là 254.469.735 đồng. Yêu cầu Công ty T3 và ông S, bà H phải chịu toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2024 theo hợp đồng tín dụng dùng chung và hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ, đồng thời yêu cầu được xử lý tài sản trong trường hợp Công ty T3 và ông S, bà H không thanh toán toàn bộ dư nợ nêu trên cho Ngân hàng. Về chi phí tố tụng, Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng, yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

Bị đơn Công ty T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H thừa nhận nợ và đồng ý liên đới trách nhiệm thanh toán vốn, lãi cho Ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, yêu cầu Ngân hàng

xem xét, tạo điều kiện về thời gian cho Công ty trả nợ, vì hiện các dự án công trình xây dựng do Công ty thực hiện tại Campuchia đang bị ngập nước lũ nên chậm trễ việc trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thiện T2, Nguyễn Thị Thiên T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 119, Điều 299, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng Á và Công ty T3 là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án cấp tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 07/3/2023, giữa Ngân hàng Á và Công ty T3 có ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây dựng công trình, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng. Ngân hàng Á đã cấp hạn mức tín dụng là 3.700.000.000 đồng, lãi suất cho vay cụ thể trên từng khế ước nhận nợ và tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Trên cơ sở hạn mức, Ngân hàng Á đã giải ngân cho Công ty S&A số tiền nêu trên. Ngoài ra, Ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng thẻ

tín dụng cho Công ty là 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T3 và ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H phải có nghĩa vụ liên đới theo cam kết trả nợ vốn, lãi tính đến hết ngày 28/8/2024 là 4.154.505.151 đồng, trong đó nợ gốc 3.805.224.891, lãi trong hạn là 89.501.316 đồng, lãi phạt 5.309.209 đồng, lãi quá hạn là 254.469.735 đồng. Yêu cầu Công ty T3 và ông S, bà H phải chịu toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2024 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số ANG.BDDN.212.111121 ngày 08/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số ANG.BDDN.218.111121 ngày 08/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Á với bên thế chấp ông Nguyễn Văn S và bà Trần Lệ H để đảm bảo khoản vay của Công ty T3 Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản và các thỏa thuận được các bên ký kết có công chứng, chứng thực trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng Á yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thiện T2 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Á tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 600.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty T3 và ông S, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á (A)

Buộc Công ty TNHH T3 và ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á vốn, lãi tính đến hết ngày 28/8/2024 là 4.154.505.151 đồng, trong đó nợ gốc 3.805.224.891, lãi trong hạn là 89.501.316 đồng, lãi phạt 5.309.209 đồng, lãi quá hạn là 254.469.735 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/8/2024, Công ty TNHH T3 và ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc, lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.DN.1975.240223, Hợp đồng cấp tín dụng số ANG.DN.1975.240223, các khế ước nhận nợ và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T3 và ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số ANG.BĐDN.212.111121 ngày 08/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số ANG.BĐDN.218.111121 ngày 08/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á với bên thế chấp ông Nguyễn Văn S và bà Trần Lệ H để bảo đảm cho việc thi hành án.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Công ty TNHH T3 và ông Nguyễn Văn S, bà Trần Lệ H phải liên đới nộp 112.154.505 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông S, bà H là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và đơn xin miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH nên được miễn 74.769.670 đồng. Công ty TNHH T3 phải nộp 37.384.835 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á 55.064.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002039 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về chi phí tố tụng:

Công ty TNHH T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 600.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam